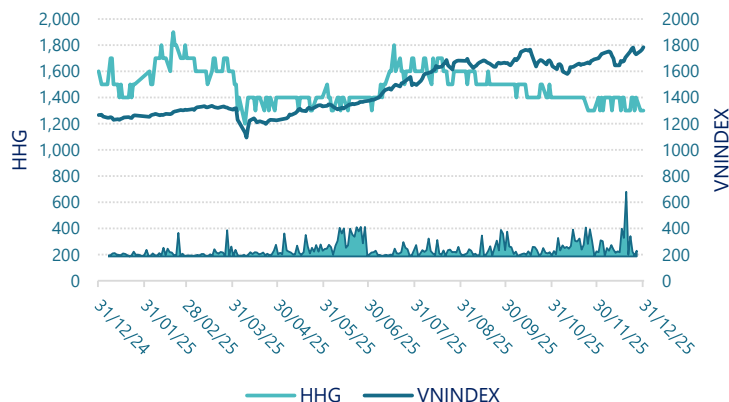


CTCP Hoàng Hà (UPCOM: HHG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	1,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,200
SL cổ phiếu LH	34,896,354
KLGD BQ 20 phiên (CP)	66,535
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	45
P/E	-0.7
EPS	-1,935

DT thuần
Q4/25

4.96

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.31 | -5.8%

YoY: ▼2.96 | -37.3%

LN sau thuế
Q4/25

-5.03

tỷ VNĐ

QoQ: ▲0.75 | 13.0%

YoY: ▲2.00 | 28.4%

Tỷ suất lãi EBIT
2025

-300%

+/- YoY: ▼225%

DT thuần
2025

22.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼18.5 | -45.4%

LN sau thuế
2025

-67.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼34.2 | -103%

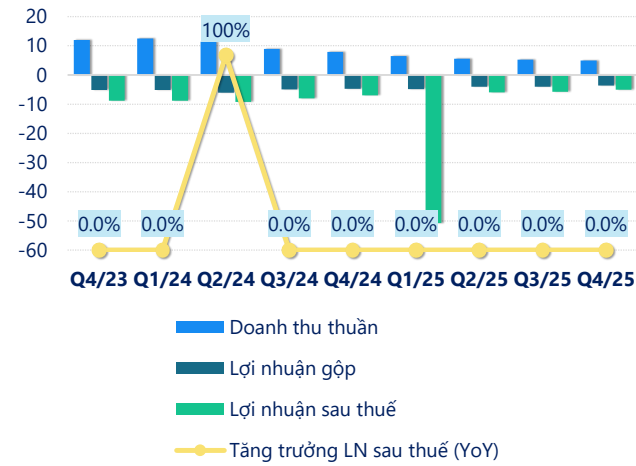
ROE
2025

-129%

+/- YoY: ▼96.4%

tỷ VNĐ

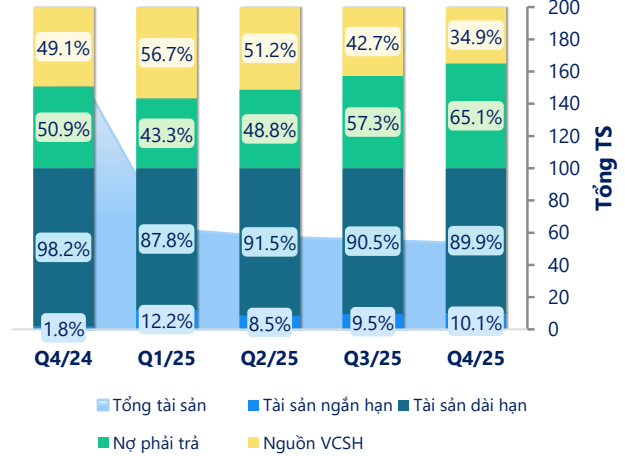
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

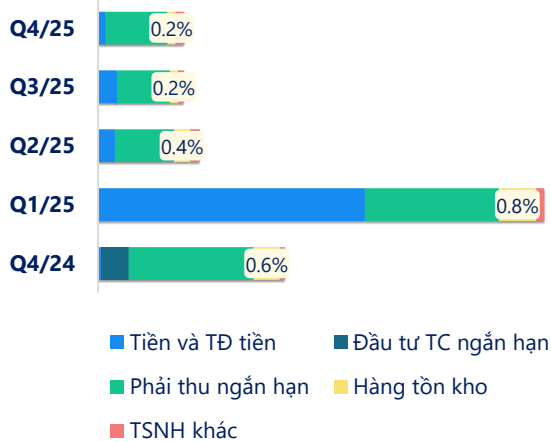
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



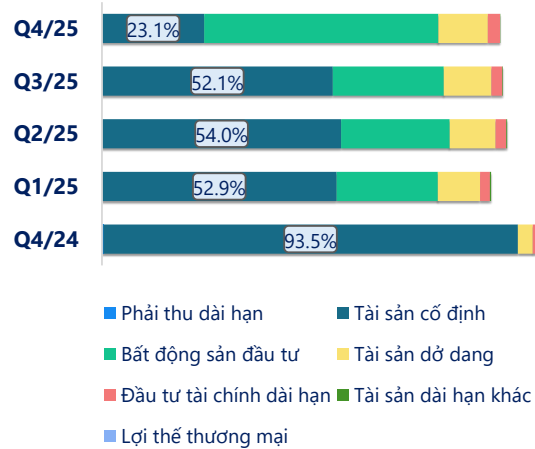
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

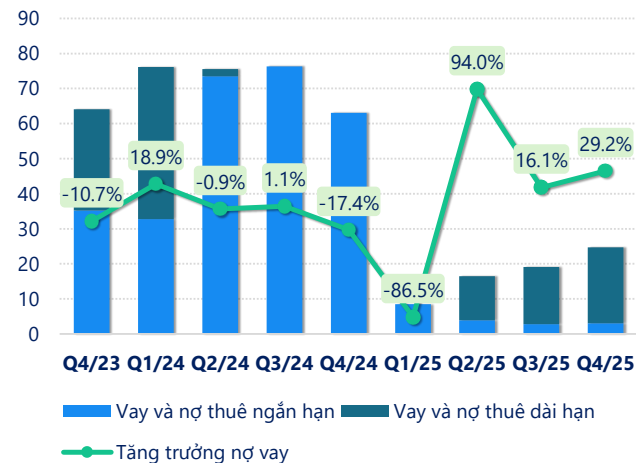
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

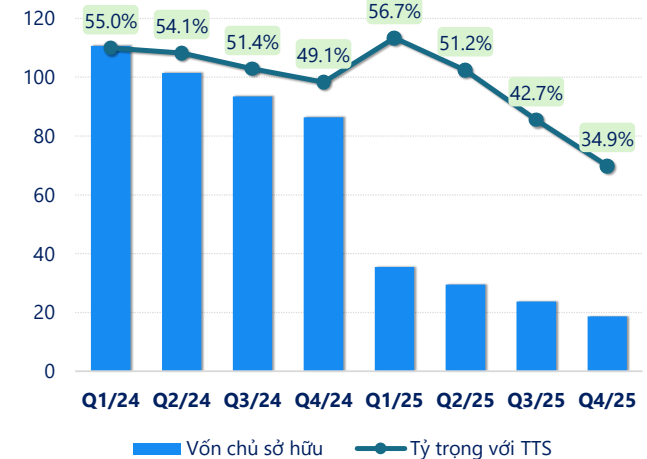
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

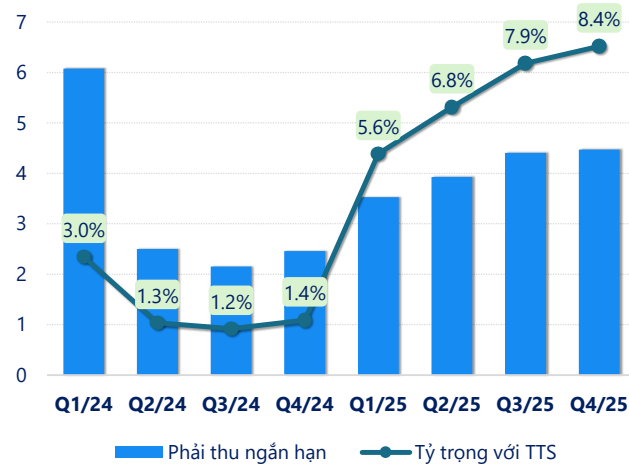
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



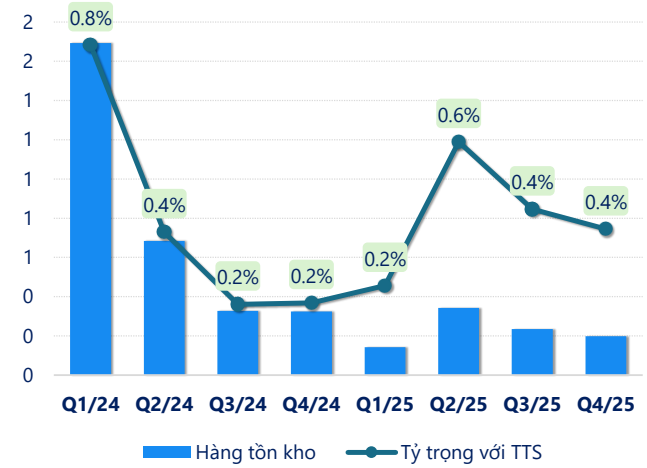
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


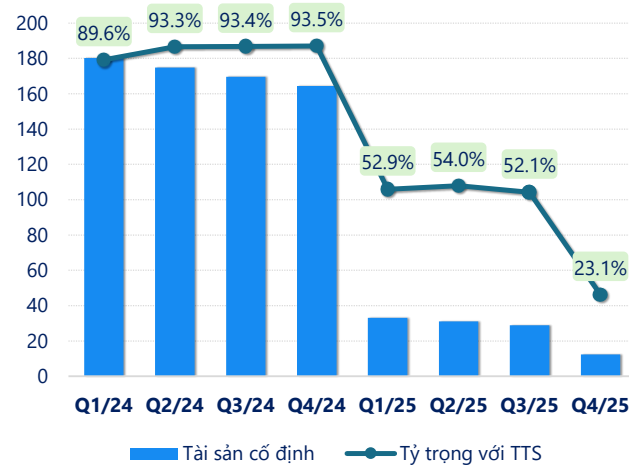
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


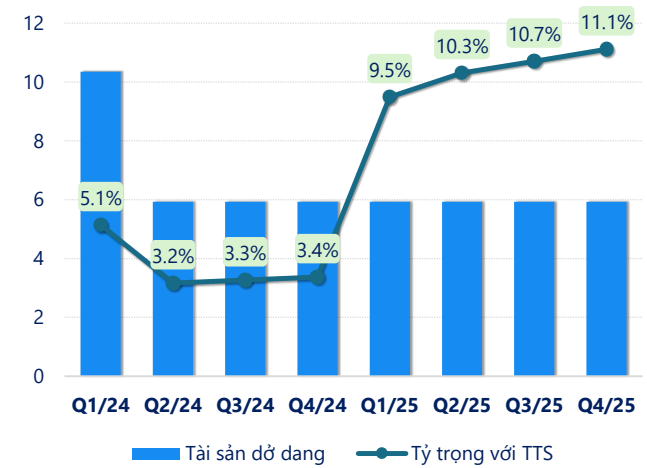
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

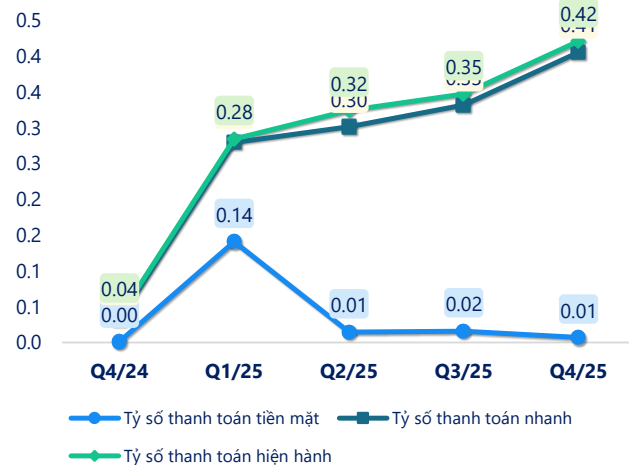
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

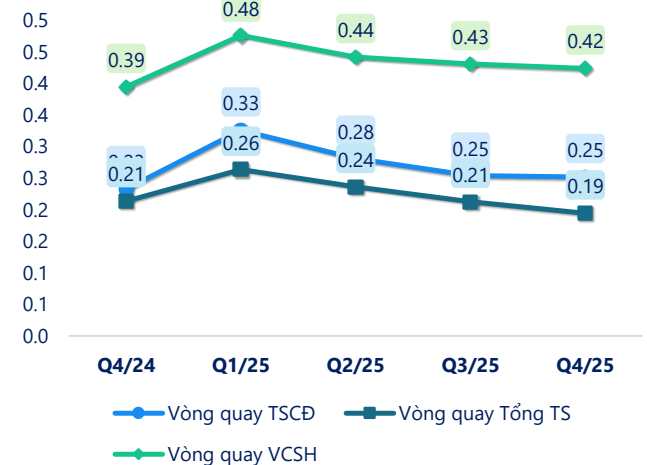
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	176	62.5	57.5	55.4	53.4
Tài sản ngắn hạn	3.25	7.61	4.92	5.25	5.39
Tiền và tương đương tiền	0.12	3.76	0.22	0.24	0.09
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	2.46	3.52	3.93	4.40	4.47
Hàng tồn kho	0.32	0.14	0.34	0.23	0.20
Tài sản ngắn hạn khác	0.35	0.18	0.43	0.37	0.63
Tài sản dài hạn	173	54.9	52.6	50.2	48.0
Phải thu dài hạn	0.51	0	0	0	0
Tài sản cố định	164	33.1	31.1	28.9	12.3
Bất động sản đầu tư	0	14.3	14.1	13.9	28.2
Tài sản dở dang	5.93	5.93	5.93	5.93	5.93
Đầu tư tài chính dài hạn	1.40	1.40	1.40	1.40	1.49
Tài sản dài hạn khác	0.25	0.17	0.12	0.07	0.02
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	89.4	27.1	28.1	31.7	34.7
Nợ ngắn hạn	89.1	26.7	15.2	15.1	12.8
Vay và nợ thuê ngắn hạn	63.0	8.48	3.86	2.81	3.09
Phải trả người bán ngắn hạn	5.67	5.96	6.05	7.14	6.05
Nợ dài hạn	0.34	0.33	12.9	16.6	21.9
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	12.6	16.3	21.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	86.4	35.4	29.5	23.7	18.6
Vốn chủ sở hữu	86.4	35.4	29.5	23.7	18.6
Vốn điều lệ	349	349	349	349	349
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)